UBND XÃ DÂN HÒA
BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ - HẠ TẦNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DỰ THẢO PHƯƠNG ÁN BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, GPMB THỰC HIỆN DỰ ÁN XÂY DỰNG ĐƯỜNG TRÁNH TỈNH LỘ 429 QUA ĐỊA BÀN XÃ CAO DƯƠNG VÀ XUÂN DƯƠNG *(trên địa bàn thôn Mục xá)*

(Kèm theo Thông báo số 90/TB-BQLDA ngày 27/5/2026 của Ban Quản lý dự án đầu tư - hạ tầng xã Dân Hòa)

STT	Tên người sử dụng, quản lý đất	Địa chỉ thường trú	Xứ đồng	Theo bản đồ GPMB			Giấy CN quyền sử dụng đất					Tổng Diện tích đất NN đang sử dụng (m2)	Tổng Diện tích đất thu hồi vĩnh viễn (m2)	Tổng Diện tích còn lại (m2)	Số nhân khẩu	Tỷ lệ phần trăm thu hồi (%)	Bồi thường hỗ trợ đất NN 155.000đ/m2	Các khoản hỗ trợ theo QĐ số 10/QĐ-UBND ngày 29/3/2017 của UBND TP Hà Nội					Tổng cộng tiền BT, HT	Thông tin về hộ gia đình sử dụng đất nông nghiệp	Danh sách nhân khẩu		Ghi chú
				Tờ bản đồ số	Thửa số	Loại đất	Tờ BĐ số	Thửa số	Số Seri	Ngày cấp	Nơi cấp							Hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp và tạo việc làm (155.000 x 5 lần)	Thưởng tiền độ bàn giao mặt bằng 10.000đ/m2 (không quá 10.000.000đ/hộ)	Hỗ trợ ổn định đời sống					Giao chia	Nhân khẩu phát sinh	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)		(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)=(13)/(12)*100%	(17)=(13)*155.000đ	(18)=(13)*155.000đ*5	(19)=(13)*10.000đ	(20)= 3 tháng *(13)*10kg*16.600	(20)= 6 tháng *(13)*10kg*16.600	(20)= 12 tháng *(13)*10kg*16.600	(21)	(22)			
1	Nguyễn Quyết Thắng	thôn Mục Xá	Cửa Cầu	4	18	LUC	00	31	CE 058730	26/8/2016	UBND huyện Thanh Oai	856,0	2,1	853,9	5	0,2	325.500	1.627.500	21.000	7.470.000	-	-	9.444.000	Hộ gia đình trực tiếp sản xuất nông nghiệp và có nguồn thu ổn định từ việc sản xuất nông nghiệp trên thửa đất bị thu hồi	Nguyễn Quyết Thắng Lê Thị Hương Nguyễn Thị Thu Huyền	Nguyễn Thị Nhật Linh Nguyễn Thành An	
2	Nguyễn Đình Nam Giang	thôn Mục Xá	Cửa Cầu	4	20	LUC	00	28	CE 658624	26/8/2016	UBND huyện Thanh Oai	2.118,0	8,1	2.109,9	6	0,4	1.255.500	6.277.500	81.000	8.964.000	-	-	16.578.000	Hộ gia đình trực tiếp sản xuất nông nghiệp và có nguồn thu ổn định từ việc sản xuất nông nghiệp trên thửa đất bị thu hồi	Nguyễn Đình Nam Giang Nguyễn Thị Bích Vân Nguyễn Đình Hồng	Nguyễn Đình Việt Nguyễn Đình Hiệp Nguyễn Thị Nhân	
3	Vũ Văn Anh	thôn Mục Xá	Đá Bia	4	21	LUC	00	26	CE 179099	26/8/2016	UBND huyện Thanh Oai	1.257,0	17,2	1.239,8	3	1,4	2.666.000	13.330.000	172.000	4.482.000	-	-	20.650.000	Hộ gia đình trực tiếp sản xuất nông nghiệp và có nguồn thu ổn định từ việc sản xuất nông nghiệp trên thửa đất bị thu hồi	Vũ Văn Anh Nguyễn Thị Vu Vũ Thị Diệu Linh	x	
4	Nguyễn Văn Quyết	thôn Mục Xá	Đá Bia	4	24	LUC	00	27	CE 179958	26/8/2016	UBND huyện Thanh Oai	713,0	34,7	678,3	3	4,9	5.378.500	26.892.500	347.000	4.482.000	-	-	37.100.000	Hộ gia đình trực tiếp sản xuất nông nghiệp và có nguồn thu ổn định từ việc sản xuất nông nghiệp trên thửa đất bị thu hồi	Nguyễn Văn Quyết Lưu Thị Thi Nguyễn Thị Tâm	x	
5	Nguyễn Văn Đạt	thôn Mục Xá	Đá Bia	5	3	LUC	00	72	CE 179962	26/8/2016	UBND huyện Thanh Oai	836,0	4,8	831,2	4	0,6	744.000	0	48.000	5.976.000	-	-	6.768.000	Hộ gia đình trực tiếp sản xuất nông nghiệp và có nguồn thu ổn định từ việc sản xuất nông nghiệp trên thửa đất bị thu hồi	Nguyễn Văn Đạt	Nguyễn Tuấn Việt Nguyễn Thảo Linh Vũ Thị Tuyến	Chưa có Xác nhận của phòng VH-XH xã Dân Hòa Thiếu CCCD của Nguyễn Văn Mạnh Nguyễn Thị Hoạt Nguyễn Văn Điệp Nguyễn Thị Hiệp
6	Nguyễn Huy Bảy	thôn Mục Xá	Đá Bia	5	6	LUC	00	73	CE 207068	26/8/2016	UBND huyện Thanh Oai	804,0	13,7	790,3	4	1,7	2.123.500	10.617.500	137.000	5.976.000	-	-	18.854.000	Hộ gia đình trực tiếp sản xuất nông nghiệp và có nguồn thu ổn định từ việc sản xuất nông nghiệp trên thửa đất bị thu hồi	Nguyễn Huy Bảy	Nguyễn Huy Đạt Nguyễn Thị Lan Anh Quách Thị Hiền	
7	Vũ Văn Chiến	thôn Mục Xá	Đá Bia	5	20	LUC	00	145	CE 058776	26/8/2016	UBND huyện Thanh Oai	576,0	79,8	496,2	2	13,9	12.369.000	61.845.000	798.000	2.988.000	-	-	78.000.000	Hộ gia đình trực tiếp sản xuất nông nghiệp và có nguồn thu ổn định từ việc sản xuất nông nghiệp trên thửa đất bị thu hồi	Vũ Văn Chiến Nguyễn Thị Hương	x	
8	UBND xã Dân Hòa	Số 45 khu trung tâm thôn Tảo Dương, xã Dân Hòa, TP Hà Nội	Cửa Cầu	4	25	LUC						48,0	4,2	43,8		0	0	0	0	0	0	0	0				
				4	102	DTL						2115,4	1.118,8	996,6		0	0	0	0	0	0	0	0				
				4	103	DGT						827,3	727,4	99,9		0	0	0	0	0	0	0	0				
				4	105	DGT						394,1	147,0	247,1		0	0	0	0	0	0	0	0				
				4	106	DGT						536,7	208,4	328,3		0	0	0	0	0	0	0	0				
				4	107	DTL						1247,4	1.196,9	50,5		0	0	0	0	0	0	0	0				
				4	109	DTL						1871,3	0,5	1870,8		0	0	0	0	0	0	0	0				
				4	111	DTL						79,8	27,2	52,6		0	0	0	0	0	0	0	0				
				4	112	DGT						254,1	141,6	112,5		0	0	0	0	0	0	0	0				
				4	113	DTL						515,7	515,7	0,0		0	0	0	0	0	0	0	0				
				4	114	DGT						2656,4	2.182,5	473,9		0	0	0	0	0	0	0	0				
				4	115	DGT						45,1	45,1	0,0		0	0	0	0	0	0	0	0				
				4	116	DTL						219,9	219,9	0,0		0	0	0	0	0	0	0	0				
				4	117	BCS						651,6	651,6	0,0		0	0	0	0	0	0	0	0				
				4	15	DGT						358,1	5,4	352,7		0	0	0	0	0	0	0	0				
			Đá Bia	5	4	LUC						281,6	101,4	180,2		0	0	0	0	0	0	0	0				
				5	5	LUC						124,0	80,5	43,5		0	0	0	0	0	0	0	0				
				5	17	LUC						240,0	13,4	226,6		0	0	0	0	0	0	0	0				
			Bà Cam	5	25	LUC						163,4	90,1	73,3		0	0	0	0	0	0	0	0				
				5	28	LUC						124,4	31,9	92,5		0	0	0	0	0	0	0	0				
				5	30	LUC						558,4	0,7	557,7		0	0	0	0	0	0	0	0				
			Đá Bia	5	100	DGT						426,7	199,7	227,0		0	0	0	0	0	0	0	0				
			Bà Cam	5	101	DTL						2376,8	2.260,0	116,8		0	0	0	0	0	0	0	0				
				5	102	DGT						1957,8	1.594,8	363,0		0	0	0	0	0	0	0	0				
				5	103	DTL						2103,8	21,7	2082,1		0	0	0	0	0	0	0	0				
				5	104	DGT						1363,0	753,2	609,8		0	0	0	0	0	0	0	0				
				5	106	DTL						112,7	49,4	63,3		0	0	0	0	0	0	0	0				
				5	107	DGT						407,6	166,8	240,8		0	0	0	0	0	0	0	0				
				5	108	DTL						1457,6	979,7	477,9		0	0	0	0	0	0	0	0				
				5	109	DGT						1233,3	1.111,5	121,8		0	0	0	0	0	0	0	0				
				5	110	DTL						473,4	27,2	446,2		0	0	0	0	0	0	0	0				
Tổng												32.385,4	14.834,6	17.550,8	27		24.862.000	120.590.000	1.604.000	40.338.000	-	-	187.394.000				

Bằng chữ: Một trăm chín mươi bảy triệu ba trăm bảy mươi nghìn đồng chẵn./.